

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT SỐ 6 - GIÁ ĐẤT Ở
TẠI KHU VỰC NÔNG THÔN CỦA CÁC HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 28 /2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025
của UBND tỉnh)

I. ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

1. Huyện Kim Bảng (nay là thị xã Kim Bảng)

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên khu vực, vị trí, ranh giới khu vực, vị trí	Giá đất
1	Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau:	
1.1	Phường Tân Tựu (trước đây là xã Nhật Tân, xã Nhật Tựu)	
1.1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	6.000
1.1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	4.000
1.1.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ dưới 13 mét	3.000
1.2	Xã Thanh Sơn, phường Đồng Hoá (trước đây là xã Đồng Hóa)	
1.2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	3.500
1.2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	3.000
1.2.3	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ dưới 13 mét	2.500

2. Huyện Lý Nhân

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên xã, khu vực, đường và ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Xã Bắc Lý	
	Khu vực 2	
	Đường ĐH 12: Đoạn từ ĐT.491 (tờ 37, thửa 82 đến tờ 16 thửa 79, 86).	
	Trong đó: Đoạn từ thửa 89 đến thửa 518 tờ 16.	5.000
2	Xã Tiến Thắng	
	Khu vực 2	
	Các trục đường xã: trong đó đoạn từ tờ 18, thửa 70 đến tờ 4, thửa 284	3.550

3	Xã Nhân Nghĩa	
	Khu vực 3	
	Các trục đường thôn còn lại: Đoạn từ thửa 89 đến thửa 132 tờ 4	4.620
4	Xã Nhân Bình	
	Khu vực 2	
	Đường xã, trong đó Đoạn từ tờ 22, thửa 107, thửa 108 đến tờ 23, thửa 19, thửa 20	4.200
5	Xã Đạo Lý	
	Khu vực 1	
	Đường ĐH 04: Từ giáp xã Bắc Lý (Tờ 24, thửa 44) đến dốc Lưu (Tờ 8, thửa 129 và thửa 131).	
	Trong đó:- Đoạn từ tờ 7, thửa 420 đến tờ 7, thửa 280	5.720
	- Đoạn từ tờ 4, thửa 459 đến tờ 4, thửa 174)	5.720
6	Xã Phúc Phúc	
	Khu vực 3	
	Đường trục đường thôn, trong đó: Đoạn từ thửa 30 tờ 40 đến thửa 75 tờ 35	4.500
7	Xã Chính Lý	
	Khu vực 1	
	Đường xã: Từ ngã tư ông Sơn thôn 7 (Tờ 31, thửa 96) đến ngã tư UBND xã (Tờ 32 thửa 210)	
	Trong đó : Đoạn từ tờ 32, thửa 201 đến tờ 31, thửa 107	3.800
	Khu vực 2	
	Đường trục xã còn lại: Trong đó đoạn từ tờ 31, thửa 125 đến tờ 36, thửa 46	3.650
8	Xã Đức Lý	
	Khu vực 1	
	Đường ĐH05, đoạn từ giáp xã Nguyên Lý (Tờ 2 thửa 43) đến đường ĐT (Tờ 41, thửa 276):	
	Trong đó Đoạn từ thửa 861 đến thửa 1027 tờ 6	5.100
9	Xã Nguyên Lý	
	Khu vực 2	
	Đường xã: Từ chùa Chèo (tờ 39, thửa 151, thửa 181) đến dốc Mạ Đặng (tờ 39, thửa 71 và thửa 75).	
	Trong đó: Đoạn từ Tờ 37, thửa 83, 88 đến tờ 38, thửa 52, 75)	4.600

II. BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở

1. Huyện Thanh Liêm

STT	Tên xã, khu vực, đường và ranh giới khu vực giá	Giá đất
	Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng mặt cắt như sau:	
1	Xã Thanh Hà	
1.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên (Vị trí tại xứ đồng: Út 3, Rộc Già – thôn An Hoà)	5.000
1.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m (Vị trí tại xứ đồng: Út 3, Rộc Già – thôn An Hoà)	4.000
2	Xã Thanh Phong	
2.1	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên (Vị trí tại xứ đồng: Đá Vôi- thôn Tân Phong)	5.000
2.2	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m (Vị trí tại xứ đồng: Đá Vôi- thôn Tân Phong)	4.000

2. Huyện Bình Lục

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên xã, khu vực, đường và ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Xã Đồn Xá	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	3.900
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	3.400
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	2.900
	- Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	2.600
2	Xã La Sơn	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	5.600
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.100
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	4.600
	- Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.300

3	Xã Bối Cầu	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	5.600
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.100
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	4.600
	- Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.200
4	Xã Trung Lương	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	5.700
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.200
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	4.700
	- Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.400
5	Xã An Đỗ	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	6.100
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	5.600
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	5.100
	Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	4.800
6	Xã Vũ Bản	
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17 mét trở lên	4.300
	- Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13 mét đến dưới 17 mét	3.700
	- Các tuyến đường có mặt cắt từ 9 mét đến dưới 13 mét	3.300
	- Các tuyến đường có mặt cắt dưới 9 mét	3.000

3 Huyện Lý Nhân

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

STT	Tên xã, khu vực, đường và ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Xã Bắc Lý	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Địa Gạch)	4.000
2	Xã Tiến Thắng	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Cửa Các)	3.330
3	Xã Nhân Nghĩa	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Lò Gạch; Con Mộc; Em Bé, Nấm Chậu Trên)	3.700
4	Xã Nhân Bình	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Bãi Nha Dưới)	3.360
5	Xã Đạo Lý	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Đồng Dộc; Đồng Thạch; Gò Ốc; Đồng Cửa)	5.576
6	Xã Nhân Chính	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Công Điền)	3.800
	Xã Phúc Phúc	
7	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Thượng Đoạn)	3.600
	Xã Chính Lý	
8	- Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m, rộng 15m (Vị trí tại Xứ đồng: Trại Quyền; Trại Đào)	3.040
	- Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m, rộng 13m (Vị trí tại Xứ đồng: Trại Quyền; Trại Đào)	2.280
9	Xã Đức Lý	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Đồng Cửa; Cửa Đình)	4.100
10	Xã Nguyên Lý	
	Các tuyến đường phát sinh có mặt cắt ngang từ 7 đến 10,5m (Vị trí tại Xứ đồng: Khoái Đông; Cửa Thor)	4.480